

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Hồng Thanh
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 626/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Thanh V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp C xã L huyện C tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp C xã L huyện C tỉnh Long An.

(bà V có mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh V trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Lê Văn C đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C vào ngày 12/4/2010. Sau khi cưới bà và ông C sống chung với cha mẹ chồng đến năm 2015 thì cất nhà sống riêng tại xã L, huyện

C. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà đi làm về trễ hoặc ông C gọi điện thoại bà không nghe thì xảy ra cãi vã, ông C còn bắt bà cởi hết quần áo xem bà có quan hệ tình dục với người đàn ông khác không, có khi xảy ra xô xát. Khi bà mang bầu con đầu tiên, ông C có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng khi bà nói thì ông C không thừa nhận. Ngoài ra ông C không chăm lo cho gia đình, chỉ có mình bản thân bà lo lắng, chăm sóc gia đình, ông C không phụ giúp kinh tế gì, vợ chồng còn mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay bà và ông C không còn sống chung nhà khoảng 02 tháng nay, bà về nhà cha mẹ ruột sống. Từ đó đến nay bà và ông C cũng có gặp nhau nhưng không bên nào có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông C nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: bà và ông C có 03 con chung tên Lê Đoàn Như Q, sinh ngày 09/02/2011, Lê Đoàn Như N, sinh ngày: 24/12/2015 và Lê Đoàn Thảo V1, sinh ngày 27/8/2017. Hiện bà đang chăm sóc bé Như N và Thảo V1. Ông C đang nuôi dưỡng con chung Như Quỳnh. Về con chung sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 3 con chung Lê Đoàn Như Q, Lê Đoàn Như N và Lê Đoàn Thảo V1. Yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con chung số tiền 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Qua lời trình bày của bà Đoàn Thị Thanh V về thời gian, điều kiện kết hôn ông thống nhất. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn trầm trọng đến mức bà V nộp đơn ly hôn. Vào khoảng tháng 10/2023 khi bà V đi làm, ông có gọi điện thoại nhưng bà V không nghe máy nên khi về có lời qua tiếng lại, ông có kêu bà V lột hết quần áo nhưng vì chỉ muốn chọc ghẹo chứ không có xô xát hay mục đích nào khác. Từ đó bà V bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Từ đó đến nay ông và bà V cũng có gặp nhau, ông cũng có ý muốn hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng bà V không đồng ý. Nay bà V yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì còn thương vợ thương con, muốn vợ về sống chung để chăm lo cho 03 con nhỏ.

Về con chung: có 03 con chung Lê Đoàn Như Q, sinh ngày 09/02/2011, Lê Đoàn Như N, sinh ngày: 24/12/2015 và Lê Đoàn Thảo V1, sinh ngày 27/8/2017, cháu Như Q đang sống với ông, còn cháu Như N và Thảo V1 đang sống với bà V. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, ông đồng ý để 03 con chung cho bà V nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: trong trường hợp tòa án cho ly hôn thì ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Phạm Chí H – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Thanh V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Đoàn Thị Thanh V được ly hôn với ông Lê Văn C. Về con chung: giao 03 con chung Lê Đoàn Như Q, sinh ngày 09/02/2011, Lê Đoàn Như N, sinh ngày: 24/12/2015 và Lê Đoàn Thảo V1, sinh ngày 27/8/2017 cho bà Đoàn Thị Thanh V được nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Đoàn Thị Thanh V cung cấp trong vụ án là: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của bà V, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đoàn Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn C. Ông C cư trú tại xã L huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà V, thấy rằng: bà V và ông C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/4/2010 nên hôn nhân của bà V và ông C là hôn nhân hợp pháp. Theo bà V trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C không tin tưởng bà. Ngoài ra ông C không chăm lo cho gia đình, chỉ có mình bản thân bà lo lắng, chăm sóc gia đình, ông C không phụ giúp kinh tế gì, vợ chồng còn mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Theo ông C trình bày vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn trầm trọng đến mức bà V nộp đơn ly hôn. Từ tháng 11/2023 bà V và ông C không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó đến nay bà V và ông C cũng có gặp nhau, ông C cũng có ý muốn hàn gắn

hạnh phúc gia đình nhưng bà V không đồng ý. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông C. Trước yêu cầu ly hôn của bà V, ông C không đồng ý.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà V là có cơ sở chấp nhận vì trong quá trình chung sống bà V và ông C đã xảy ra mâu thuẫn, hiện bà V và ông C không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau. Về phía ông C, từ khi bà V nộp đơn khởi kiện đến nay, mặc dù ông C có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V là phù hợp.

[3] Về con chung: bà V và ông C có 03 con chung tên Lê Đoàn Như Q, sinh ngày 09/02/2011, Lê Đoàn Như N, sinh ngày: 24/12/2015 và Lê Đoàn Thảo V1, sinh ngày 27/8/2017, cháu Như Q đang sống với ông C, còn cháu Như N và Thảo V1 đang sống với bà V. Xét thấy các con chung Như N, Thảo V1 đang sống với mẹ, con chung Như Q đang sống với cha, mặc dù các cháu đang có cuộc sống ổn định, cháu Như Q có nguyện vọng sống cùng với cha, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 07/12/2023 và biên bản hòa giải ngày 26/12/2023 ông C thể hiện ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà V ly hôn thì ông đồng ý giao 03 con chung cho bà V nuôi dưỡng. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của bà V và ông C được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi bà V và ông C ly hôn, cần giao 03 con chung cho bà V được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58; 81

Về phần cấp dưỡng nuôi con: xét thấy việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi bà V và ông C ly hôn không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của bà V và ông C. Bà V là người trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Mức cấp dưỡng nuôi con theo Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Tại Nghị định số: 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ thì mức lương tối thiểu hiện nay là 1.800.000 đồng. Bà V yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng là cao so với quy định. Do đó buộc ông C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng mỗi con chung số tiền 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: bà Đoàn Thị Thanh V và ông Lê Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Đoàn Thị Thanh V và ông Lê Văn C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Đoàn Thị Thanh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Lê Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh V về việc "Ly hôn" với ông Lê Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị Thanh V được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về con chung: giao con chung Lê Đoàn Như Q, sinh ngày 09/02/2011, Lê Đoàn Như N, sinh ngày: 24/12/2015 và Lê Đoàn Thảo V1, sinh ngày 27/8/2017 cho bà Đoàn Thị Thanh V được tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc ông Lê Văn C giao con chung Lê Đoàn Như Q, sinh ngày 09/02/2011 cho bà Đoàn Thị Thanh V nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Lê Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đoàn Như Q, sinh ngày 09/02/2011, Lê Đoàn Như N, sinh ngày: 24/12/2015 và Lê Đoàn Thảo V1, sinh ngày 27/8/2017, mỗi tháng mỗi con chung số tiền 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị Thanh V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002726 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh

Long An. Bà V đã nộp đủ án phí. Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Đoàn Thị Thanh V có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã Long Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm

